

Bản án số: 63/2022/HS-ST
Ngày: 28-7-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Hằng A Nếnh**

2. Ông: **Lò Văn Đoàn**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lục - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Hoài Ngân - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở TAND huyện Mường Ảng mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 63/2022/TLST-HS, ngày 14 tháng 7 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST-HS, ngày 18/7/2022 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo thứ nhất:

Họ và tên: **Trịnh Ngọc T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1985, nơi sinh: huyện MA, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Bố đẻ: Trịnh Ngọc T1, sinh năm 1954 và mẹ đẻ Hoàng Thị N, sinh năm 1957; Gia đình bị cáo có 04 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Bị cáo có vợ là Lò Thị T2, sinh năm 1992 (đã ly hôn) và có 01 người con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án; Chưa bị xử lý hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo thứ hai:

Họ và tên: **Lò Văn Th**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1975, nơi sinh: huyện MA, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản K, xã AC, huyện MA, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hoá: 3/12; Bố đẻ: Lò Văn Tì, sinh năm 1954 và mẹ đẻ Lò Thị D (đã chết); Gia đình bị cáo có 05 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Bị cáo có vợ là Lò Thị D, sinh năm 1976 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Đã

bị kết án: Năm 2011 và năm 2014 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng xử phạt 24 tháng tù và 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đến ngày phạm tội lần này đã được xóa án tích; Chưa bị xử lý hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo thứ ba:

Họ và tên: **Lường Thị L**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1982, nơi sinh: huyện MA, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản HS, xã AC, huyện MA, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hoá: không; Bố đẻ: Lường Văn P, sinh năm 1951 và mẹ đẻ Lò Thị S, sinh năm 1942; Gia đình bị cáo có 08 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ sáu trong gia đình; Bị cáo có chồng là Lò Văn B, sinh năm 1982 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án; Chưa bị xử lý hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Lường Thị L:** Bà Hà Thị Th1 – Trợ giúp viên pháp lý, nơi công tác Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, các bị cáo Trịnh Ngọc T, Lò Văn Th, Lường Thị L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 29/3/2022, Trịnh Ngọc T từ nhà đi đến khu vực bản HS, xã AC, huyện MA để tìm mua ma túy về sử dụng. Khi đến bản HS, xã AC thì Trịnh Ngọc T gặp Lò Văn Th đang đi bộ trên đường. Do quen biết từ trước và biết Lò Văn T là người nghiện chất ma túy nên Trịnh Ngọc T đã nhờ Lò Văn T đi mua hộ 300.000đ ma túy, loại Methamphetamine và nói rõ để sử dụng. Lò Văn T đồng ý đi vào nhà Lường Thị L hỏi mua 300.000đ ma túy, loại Methamphetamine thì được Lường Thị L bán cho 06 viên Methamphetamine màu hồng gói bằng mảnh nilon màu xanh, có khối lượng 0,52 gam. Mua được ma túy Lò Văn T quay lại đưa toàn bộ 06 viên Methamphetamine cho Trịnh Ngọc T. Trịnh Ngọc T cầm lấy gói ma túy rồi đi về nhà, trên đường về đến bản Hón, thị trấn MA, huyện MA thì gặp tổ công tác Công an thị trấn MA đang làm nhiệm vụ. Tổ công tác tiến hành kiểm tra thì phát hiện thu giữ toàn bộ 06 viên Methamphetamine mà Trịnh Ngọc T đang cất giấu ở lòng bàn tay trái. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Ảng đã tiến hành giữ người khẩn cấp đối với Lò Văn Th và Lường Thị L, đồng thời khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lường Thị L đã phát hiện thu giữ 09 viên Methamphetamine màu hồng có khối lượng 0,80 gam Lường Thị L cất giấu bên trong túi quần ở gầm sàn nhà. Lường Thị L khai nhận toàn bộ 15 viên Methamphetamine có tổng khối lượng là 1,32 gam trên là do Lường Thị L mua được của một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết tại khu rừng thuộc bản HS, xã AC, huyện MA với giá là 400.000đ để chữa bệnh cho vật nuôi và bán lẻ kiếm lời.

Theo biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định ngày 29/3/2022 của Công an huyện Mường Ảng và Kết luận giám định số

464/KL-PC09, ngày 31/3/2022 và Kết luận giám định số 482/KL-KTHS, ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận:

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Trịnh Ngọc T là 0,52 gam.
- Mẫu viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Trịnh Ngọc T gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine.
- Khối lượng vật chứng thu giữ của Lường Thị L là 0,80 gam.
- Mẫu viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Lường Thị L gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số: 41/CT-VKS-MA ngày 12/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện MA để xét xử các bị cáo Trịnh Ngọc T, Lò Văn Th về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS và bị cáo Lường Thị L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS.

Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Trịnh Ngọc T, Lò Văn Th và Lường Thị L. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17, Điều 58, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

+ Xử phạt Trịnh Ngọc T từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 04 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ Xử phạt Lò Văn Th từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 04 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS: Xử phạt Lường Thị L từ 2 năm 02 tháng đến 02 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* **Về vật chứng:** Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu để tiêu hủy 0,97 gam Methamphetamine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu giám định.

- Truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 300.000 đồng của bị cáo Lường Thị L do bán ma túy trái phép cho bị cáo Lò Văn Th mà có.

* **Án phí:**

- Bị cáo Lò Văn Th và Lường Thị L là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí HSST.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Trịnh Ngọc T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Nội dung bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo Lường Thị L nhất trí với nội dung cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

theo khoản 1 Điều 251 BLHS là đúng người, đúng tội đúng pháp luật; Bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lường Thị L.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy như cáo trạng truy tố. Các bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng, bản luận tội của VKSND huyện MA cũng như bài bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Lường Thị L, các bị cáo không có tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng trước khi nghị án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nội dung vụ án:

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa các bị cáo Trịnh Ngọc T, Lò Văn Th đã khai và công nhận: Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 29/3/2022 tại bản HS, xã AC, huyện MA, tỉnh Điện Biên, Trịnh Ngọc T đã nhờ Lò Văn Th mua được của Lường Thị L 0,52 gam Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng. Ngoài ra Lường Thị L còn tàng trữ trái phép 0,80 gam Methamphetamine để chữa bệnh cho vật nuôi và bán lẻ kiếm lời. Lời khai nhận tội của các bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như cáo trạng số 41/CT-VKS-MA, ngày 12/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đã truy tố.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo Trịnh Ngọc T, Lò Văn Th là nguy hiểm cho xã hội; Các bị cáo tàng trữ trái phép 0,52 gam Methamphetamine đủ định lượng buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Hành vi Mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Lường Thị L là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo Lường Thị L ngoài bán cho Lò Văn T 0,52 gam ma túy, bị cáo còn tàng trữ trái phép 0,80 gam ma túy mục đích để bán kiếm lời. Do đó, buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử các bị cáo Trịnh Ngọc T, Lò Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và bị cáo Lường Thị L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS.

- Tại khoản 1 Điều 249 BLHS quy định: “Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...c) ... *Methamphetamine*..., có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 5 gam”.

- Tại khoản 1 Điều 251 BLHS quy định: “1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”

[2] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội có mức cao nhất của khung hình phạt đến 5 năm tù (đối với bị cáo Trịnh Ngọc T và Lò Văn T), đến 07 năm tù (đối với bị cáo Lương Thị L) được quy định tại khoản 1 Điều 9 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

[3] Xét về hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra: Hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền của nhà nước trong lĩnh vực quản lý và sử dụng các chất ma túy, đã tiếp tay cho các loại tội phạm gia tăng, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn, cần phải được xử lý nghiêm.

[4] Xét về vai trò của bị cáo Trịnh Ngọc T và Lò Văn T trong vụ án: Vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Trịnh Ngọc T là người bỏ tiền ra nhờ bị cáo Lò Văn T thực hiện tích cực hành vi mua và tàng trữ trái phép chất ma túy nên các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi mà mình đã thực hiện.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo sinh ra và lớn lên tại huyện MA, tỉnh Điện Biên, bị cáo Trịnh Ngọc T học hết lớp 12/12 thì nghỉ học ở nhà, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo Lò Văn T học hết lớp 3/12 thì nghỉ học ở nhà, bản thân bị cáo đã hai lần bị Tòa án xét xử về tội mua bán trái phép chất ma túy (*đã được xóa án tích*), bị cáo có nhân thân xấu; bị cáo Lương Thị L không được học hành gì, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo nhận thức rõ việc tàng trữ, mua bán ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố tình phạm tội mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội; tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 cho các bị cáo. Các bị cáo không phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của BLHS.

Các bị cáo Lò Văn T, Lương Thị L với nghề nghiệp nông nghiệp, bị cáo Trịnh Ngọc T lao động tự do, gia đình các bị cáo khó khăn về kinh tế. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Đối với người đàn ông dân tộc Mông, người mà Lương Thị L khai đã bán ma túy cho bị cáo, do bị cáo không biết tên tuổi và địa chỉ ở đâu, Cơ quan CSĐT không có đủ cơ sở xác minh làm rõ.

[7] Vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS; điểm b, c khoản 1 Điều 47 BLHS. Hội đồng xét xử:

- Tịch thu để tiêu hủy 0,97 gam Methamphetamine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu giám định.

- Truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 300.000 đồng của bị cáo Lương Thị L do bán ma túy trái phép cho bị cáo Lò Văn Th mà có.

[8] Án phí:

- Các bị cáo Lò Văn Th và Lương Thị L là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí HSST.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trịnh Ngọc T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Quyết định truy tố của VKSND huyện MA; ý kiến của vị đại diện VKS, ý kiến của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[11] Trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

- Các bị cáo Trịnh Ngọc T, Lò Văn Th phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Bị cáo Lương Thị L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17, Điều 58, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 29/3/2022).

+ Xử phạt bị cáo Lò Văn Th 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 29/3/2022).

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lương Thị L 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 29/3/2022).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS; điểm b, c khoản 1 Điều 47 BLHS:

- Tịch thu để tiêu hủy 0,97 gam Methamphetamine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu giám định (*Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Mường Ảng và Chi Cục thi hành án dân sự huyện Mường Ảng lập ngày 13/7/2022*).

- Truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 300.000 đồng của bị cáo Lường Thị L do bán ma túy trái phép cho bị cáo Lò Văn Th mà có.

3. Án phí:

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho các bị cáo Lò Văn Th, Lường Thị L.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trịnh Ngọc T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên.
- VKSND h.Mường Ảng
- Công an h.Mường Ảng
- Chi cục THADS h.Mường Ảng
- Các bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo Lường Thị L
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương

